

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 01 - 2025

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng, bà Trần Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 862/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/12/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị Tứ T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 73 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 19 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:*

Chị Phùng Thị Tứ T và anh Nguyễn Ngọc T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/11/2018 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn hôn nhân ngày càng lớn và không thể hàn gắn nên chị T và anh T1 đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc T1.

Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 18/8/2019; nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Nguyễn Ngọc T1 tham gia tố tụng nhưng bị đơn không tham gia tố tụng và không giao nộp*

văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị T được ly hôn đối với anh T1; giao cháu Nguyễn Ngọc N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Ly hôn và con chung*” đối với anh Nguyễn Ngọc T1 (cư trú tại phường T, thành phố B), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, chị Phùng Thị Tứ T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 05/12/2024 (bút lục 31) thể hiện: “*Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T1 và chị T do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T1, anh T1 không tham gia tố tụng thể hiện việc không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc

N, sinh ngày 18/8/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc T1 không có văn bản yêu cầu về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nguyễn Ngọc N hiện còn nhỏ, cần nhiều hơn sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ nên cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con theo mức 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp, đảm bảo các điều kiện về ăn uống, sinh hoạt và học tập của cháu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn chị Phùng Thị Tứ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị Tứ T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Tứ T được ly hôn đối với anh Nguyễn Ngọc T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 18/8/2019 cho chị Phùng Thị Tứ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Ngọc T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc N theo mức 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Nguyên đơn chị Phùng Thị Tứ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Nguyễn Quang T nộp thay), theo Biên lai số AA/2023/0012560 ngày 30/10/2024, tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng